

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-KSTTHCNC

Thanh Hóa, ngày tháng 02 năm 2025

V/v đẩy mạnh thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp, tích hợp Sổ sức khỏe điện tử lên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa;
- Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Thanh Hóa;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã tích cực tham mưu, triển khai, thúc đẩy việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp và tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, bước đầu đã có những kết quả nổi bật và mang lại nhiều tiện ích cho người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua theo dõi, Cơ quan thường trực Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ nhận thấy còn một số tồn tại hạn chế cần lưu ý như: <sup>(1)</sup> **Đối với Cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID**: nhiều địa phương chưa tích cực làm sạch dữ liệu của đối tượng và dữ liệu về danh bản; dữ liệu lý lịch tư pháp còn chưa đầy đủ do hồ sơ tài liệu của các cơ quan tổ tụng gửi về Sở Tư pháp thiếu dữ liệu, dẫn đến thông tin lý lịch tư pháp chưa “đúng, đủ, sạch, sống”, nguy cơ dẫn đến cấp sai Phiếu lý lịch Tư pháp <sup>(2)</sup> **Đối với việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử**: Tỷ lệ tích hợp sổ sức khỏe điện tử trên tổng số nhân khẩu thường trú còn thấp. Theo thông báo của Bộ Công an, tính đến ngày 13/02/2025, toàn tỉnh Thanh Hóa mới tích hợp được 503.334 thẻ Bảo hiểm y tế/Sổ sức khỏe điện tử lên ứng dụng VNeID, đạt tỷ lệ 11,83%, xếp hạng thứ 60/63 địa phương.

Để thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Tổ công tác Đề án 06 Chính phủ; khắc phục ngay những tồn tại hạn chế, nâng cao tỷ lệ tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt là thực hiện mũi đột phá về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thông qua việc “*Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID*” đã được xác định tại Công văn số 17904/UBND-CNTT ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Đề án chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả việc chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và cấp

Phiếu lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh - Tổ trưởng Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện ngay một số nội dung sau:

## **1. Về việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp**

**1.1.** Nghiên cứu danh mục 154 thủ tục hành chính có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện việc cấp lý lịch tư pháp cho người dân, doanh nghiệp một cách thuận lợi nhất; khi đã thực hiện cấp trên VNeID, yêu cầu các đơn vị phải tái sử dụng dữ liệu để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu người dân phải xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp giấy; rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để cắt giảm yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp giấy không hợp lý trong thực hiện thủ tục hành chính.

**1.2. Sở Tư pháp:** hoàn thành làm sạch Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trước khi chuyển nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Bộ Tư pháp sang Bộ Công an. Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch Tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh, không làm gián đoạn quá trình phục vụ nhu cầu của người dân.

**1.3. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh:** phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh tích cực làm sạch dữ liệu tư pháp; cung cấp các thông tin, tài liệu tố tụng để bổ sung dữ liệu lý lịch tư pháp, đảm bảo thông tin lý lịch tư pháp "*đúng, đủ, sạch, sống*" phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

### **1.4. Công an tỉnh**

- Khẩn trương chỉ đạo Cơ quan điều tra các cấp gửi các văn bản tố tụng (*Quyết định khởi tố bị can, Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, Quyết định đình chỉ điều tra, Quyết định truy nã, Quyết định đình nã, ...*) cho các đơn vị chức năng để thực hiện cập nhật vào hệ thống; làm sạch dữ liệu về đối tượng và dữ liệu danh bản phục vụ việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID (*hoàn thành trước ngày 15/3/2025*).

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp nhận nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp khi có quyết định chính thức của Chính phủ, không để gián đoạn, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người dân.

- Phối hợp với các cơ quan tố tụng (*Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh ...*) ban hành Quy chế phối hợp để duy trì thường xuyên việc cập nhật bổ sung thông tin lý lịch tư pháp đảm bảo dữ liệu "*đúng, đủ, sạch, sống*".

## 2. Về việc tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID

### 2.1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, yêu cầu 100% cán bộ, công chức, viên chức tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế qua tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên VNeID khi đi khám, chữa bệnh (*Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế điện tử và Giấy hẹn khám lại điện tử trên ứng dụng VNeID*).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đăng tải các bài viết về lợi ích, ý nghĩa của việc sử dụng Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên ứng dụng VNeID khi đi khám, chữa bệnh; cách thức tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế qua tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử, trang Fanpage của đơn vị và các trang mạng xã hội khác để nhân dân biết, thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị có chức năng tiếp dân giải quyết thủ tục hành chính, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn công dân tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế qua tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID.

### 2.2. Sở Y tế

- Bám sát chỉ đạo của Bộ Y tế và các cơ quan trung ương có liên quan để tham mưu triển khai có hiệu quả việc tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Trong đó lưu ý chỉ đạo quyết liệt các nội dung tại Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID tại Thanh Hoá. Tổ chức nghiêm túc việc giao ban tuần để kiểm đếm công việc, tiến độ triển khai Sổ sức khỏe điện tử và báo cáo về Cơ quan thường trực Đề án 06 tỉnh (*Công an tỉnh*) theo chỉ đạo tại Công văn số 05/TCTĐA06-CAT ngày 02/01/2025 của Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh.

- Nghiên cứu cách làm của các địa phương<sup>1</sup> để tham mưu giải pháp, triển khai thực hiện đợt cao điểm về triển khai toàn diện tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (*hoàn thành trong tháng 3/2025*). Phần đầu hết tháng 3/2025 phải nằm trong nhóm 30 địa phương, hết tháng 04/2025 phải nằm trong nhóm 10 địa phương có tỷ lệ tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế/Sổ sức khỏe điện tử lên VNeID cao nhất toàn quốc.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh.

<sup>1</sup> tỉnh Nghệ An ra quân chiến dịch “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số, tiện ích Sổ sức khỏe điện tử và Cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VneID; Thành phố Hồ Chí Minh phát động cao điểm “55 ngày đêm toàn ngành Y tế Thành phố triển khai hiệu quả Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID.

### **2.3. Công an tỉnh**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn công dân cài đặt ứng dụng VNeID, thu nhận hồ sơ và kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình thực hiện thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử, hướng dẫn người dân cung cấp thông tin về thẻ BHYT để tích hợp lên ứng dụng VNeID.

- Chỉ đạo Công an cấp xã rà soát, lập danh sách chi tiết công dân đăng ký thường trú trên địa bàn quản lý đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2; phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ công tác Đề án 06 các cấp hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt ứng dụng VNeID, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2 kết hợp tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID.

**2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn về tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID đến toàn thể giáo viên, học sinh (cấp THCS trở lên) bằng nhiều hình thức phù hợp để thực hiện.

### **2.5. Tỉnh Đoàn Thanh Hóa, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh**

- Phát huy vai trò xung kích, đi đầu của đoàn viên thanh niên, cán bộ Hội phụ nữ các cấp tổ chức triển khai toàn diện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận; chỉ đạo thành lập các Đội tình nguyện phối hợp tại các thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư; phối hợp lực lượng Cảnh sát khu vực, Công an cấp xã trên địa bàn trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID.

- Chỉ đạo gắn hoạt động của các Chi đoàn, Chi hội, Hội phụ nữ cơ sở của từng cơ quan, đơn vị, địa phương với hoạt động vận động tuyên truyền của cả đơn vị, địa phương mình.

**2.6. Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp:** Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng và tiện ích của việc tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID cho đối tượng là công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn tỉnh. Đồng thời hướng dẫn người lao động tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên VNeID khi đi khám, chữa bệnh.

### **2.7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị, đoàn thể, địa phương; phát huy vai trò gương mẫu đi đầu của Tổ công tác Công nghệ số cộng đồng trong vận động tuyên truyền, hướng dẫn người dân về tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID và những tiện ích của Sổ sức khỏe điện tử khi đi khám chữa bệnh.

- Tăng cường công tác vận động tuyên truyền, hướng dẫn dưới nhiều hình thức linh động, phù hợp đến từng địa bàn, từng đối tượng thông qua các hình thức như truyền hình, truyền thanh địa phương; các trang thông tin của địa phương;...

- Căn cứ vào số lượng công dân đã được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên địa bàn cấp xã (*theo Phụ lục gửi kèm*) để chỉ đạo, giao chỉ tiêu thực hiện cho UBND cấp xã “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người*” trong việc tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID. Phấn đấu hết tháng 03/2025 tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế cho 50% số công dân trên địa bàn có tài khoản định danh điện tử mức độ 2; hết tháng 04/2025 tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế cho 80% số công dân trên địa bàn có tài khoản định danh điện tử mức 2.

- Thành lập các tổ kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện tại cấp xã; khắc phục giải quyết ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về chỉ tiêu, kết quả triển khai thực hiện Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn quản lý.

**2.8. Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa:** Tích cực tuyên truyền (*tăng thời lượng phát sóng trong khung thời gian nhiều người theo dõi, vị trí bài viết ở vị trí dễ quan sát,...*) về những tiện ích của Sổ sức khỏe điện tử; Cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID để cho người dân biết, thực hiện.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung trên. Giao Công an tỉnh (*Cơ quan thường trực tổ công tác Đề án 06 tỉnh*) phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Y tế theo dõi, tập hợp kết quả thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Công an (qua Cục C06);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên Tổ công tác Đề án 06 tỉnh<sup>2</sup>;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Minh Tuấn**

<sup>2</sup> Thành viên Tổ công tác Đề án 06 tỉnh được kiện toàn tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (đã sửa đổi)

**Phụ lục**  
**SỐ LIỆU CÔNG DÂN ĐÃ CÓ TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH**  
**ĐIỆN TỬ MỨC ĐỘ 2 CÓ ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ**  
**TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN TRÊN TOÀN TỈNH**

(tính đến ngày 17/02/2025)

(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTTHCNC ngày / 02/2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị	Phường, xã, thị trấn	Số lượng Công dân đã có TKĐDDT mức độ 2	Ghi chú
1	<b>Thành phố Thanh Hoá</b>	An Hưng	8,030	<b>252,083</b>
2		Ba Đình	7,474	
3		Điện Biên	6,204	
4		Đông Cương	5,903	
5		Đông Hải	6,638	
6		Đông Hương	9,664	
7		Đông Lĩnh	5,147	
8		Đông Tân	4,063	
9		Đông Thọ	16,216	
10		Đông Sơn	5,731	
11		Đông Vinh	2,137	
12		Đông Vệ	13,325	
13		Hàm Rồng	3,672	
14		Long Anh	4,280	
15		Hoàng Đại	1,592	
16		Hoàng Quang	2,413	
17		Lam Sơn	6,705	
18		Nam Ngạn	8,714	
19		Ngọc Trạo	6,646	
20		Phú Sơn	15,222	
21		Quảng Cát	4,313	
22		Quảng Đông	2,962	
23		Quảng Hưng	7,190	
24		Quảng Phú	3,776	
25		Quảng Tâm	3,527	
26		Quảng Thành	7,475	

27		Quảng Thắng	5,353	
28		Quảng Thịnh	4,908	
29		Tào Xuyên	4,628	
30		Thiệu Dương	6,161	
31		Thiệu Khánh	5,612	
32		Thiệu Vân	3,315	
33		Trường Thi	8,922	
34		Rừng Thông	5,621	
35		Đông Thịnh	2,680	
36		Đông Hoà	3,019	
37		Đông Hoàng	2,879	
38		Đông Khê	3,286	
39		Đông Minh	2,625	
40		Đông Nam	2,717	
41		Đông Ninh	3,026	
42		Đông Phú	2,274	
43		Đông Quang	3,143	
44		Đông Thanh	3,961	
45		Đông Tiến	3,201	
46		Đông Văn	3,257	
47		Đông Yên	2,476	
48	<b>Thành phố Sầm Sơn</b>	Quảng Minh	2,386	<b>51,922</b>
49		Trường Sơn	7,129	
50		Trung Sơn	8,224	
51		Quảng Vinh	4,968	
52		Quảng Tiến	8,448	
53		Quảng Thọ	3,559	
54		Quảng Cư	7,031	
55		Quảng Châu	4,244	
56		Bắc Sơn	4,000	
57		Quảng Hùng	1,933	
58	<b>Thị xã Bim Sơn</b>	Quang Trung	3,232	<b>31,805</b>
59		Ba Đình	5,995	
60		Ngọc Trạo	3,980	
61		Bắc Sơn	4,702	
62		Lam Sơn	4,725	
63		Đông Sơn	6,362	

64		Phú Sơn	2,809	
65		Tùng Lâm	3,490	
66		Trường Lâm	6,700	
67		Thanh Thủy	3,815	
68		Thanh Sơn	4,527	
69		Tân Trường	5,380	
70		Phú Sơn	3,012	
71		Phú Lâm	2,689	
72		Ngọc Lĩnh	4,074	
73		Nghi Sơn	5,470	
74		Hải Nhân	7,505	
75		Hải Hà	6,221	
76		Định Hải	2,066	
77		Các Sơn	8,658	
78		Anh Sơn	3,254	
79	<b>Thị xã Nghi Sơn</b>	Bình Minh	4,503	<b>170,539</b>
80		Hải An	3,602	
81		Hải Bình	8,832	
82		Hải Châu	7,554	
83		Hải Hòa	10,070	
84		Hải Lĩnh	4,401	
85		Hải Ninh	9,988	
86		Hải Thanh	11,684	
87		Hải Thượng	6,716	
88		Mai Lâm	5,080	
89		Nguyên Bình	9,337	
90		Ninh Hải	4,058	
91		Tân Dân	4,128	
92		Tĩnh Hải	4,552	
93	Trúc Lâm	3,852		
94	Xuân Lâm	5,321		
95	<b>Huyện Nông Cống</b>	TT Nông Cống	6,724	<b>89,644</b>
96		Yên Mỹ	3,751	
97		Vạn Thiện	2,176	
98		Vạn Thắng	3,393	
99		Vạn Hòa	2,827	
100		Tượng Văn	2,617	



101		Tượng Sơn	2,897	
102		Tượng Lĩnh	2,148	
103		Trường Trung	2,113	
104		Trường Sơn	2,294	
105		Trường Minh	2,182	
106		Trường Giang	3,082	
107		Trung Thành	2,078	
108		Trung Chính	3,736	
109		Thăng Thọ	2,450	
110		Thăng Long	5,546	
111		Thăng Bình	3,310	
112		Tế Thắng	2,806	
113		Tế Nông	5,007	
114		Tế Lợi	2,632	
115		Tân Thọ	1,926	
116		Tân Phúc	2,298	
117		Tân Khang	2,800	
118		Minh Nghĩa	3,044	
119		Minh Khôi	2,870	
120		Hoàng Sơn	2,247	
121		Hoàng Giang	2,618	
122		Công Liêm	4,350	
123		Công Chính	3,722	
124	<b>Huyện Hậu Lộc</b>	Xuân Lộc	3,354	<b>97,971</b>
125		Tuy Lộc	3,612	
126		TT Hậu Lộc	5,602	
127		Triệu Lộc	5,983	
128		Tiến Lộc	5,760	
129		Thuần Lộc	4,407	
130		Thành Lộc	3,643	
131		Quang Lộc	2,964	
132		Phú Lộc	3,790	
133		Ngư Lộc	9,665	
134		Mỹ Lộc	2,438	
135		Minh Lộc	6,901	
136		Lộc Sơn	2,792	
137		Liên Lộc	2,763	

138		Hung Lộc	5,969	
139		Hòa Lộc	6,072	
140		Hoa Lộc	2,985	
141		Hải Lộc	4,524	
142		Đồng Lộc	2,867	
143		Đại Lộc	3,019	
144		Đa Lộc	4,849	
145		Câu Lộc	4,012	
146	<b>Huyện Triệu Sơn</b>	TT Triệu Sơn	7,890	<b>101,429</b>
147		TT Nưa	4,671	
148		Xuân Thọ	1,831	
149		Xuân Lộc	3,876	
150		Vân Sơn	3,024	
151		Triệu Thành	2,732	
152		Tiến Nông	2,468	
153		Thọ Tiến	2,874	
154		Thọ Thế	2,641	
155		Thọ Tân	2,369	
156		Thọ Sơn	1,968	
157		Thọ Phú	3,918	
158		Thọ Ngọc	3,067	
159		Thọ Dân	3,525	
160		Thọ Cường	2,745	
161		Thọ Bình	3,495	
162		Thái Hòa	2,905	
163		Nông Trường	2,568	
164		Minh Sơn	2,507	
165		Khuyến Nông	3,152	
166		Hợp Tiến	2,027	
167		Hợp Thành	3,667	
168		Hợp Thắng	3,830	
169		Hợp Lý	2,591	
170		Đồng Tiến	3,806	
171		Đồng Thắng	2,306	
172		Đồng Lợi	2,556	
173		Dân Quyền	4,327	
174		Dân Lý	4,342	

175		Dân Lục	3,483	
176		Bình Sơn	1,102	
177		An Nông	3,166	
178	<b>Huyện Yên Định</b>	TT Quán Lào	5,820	<b>68,701</b>
179		TT Quý Lộc	4,888	
180		TT Thống Nhất	1,746	
181		TT Yên Lâm	2,362	
182		Yên Trường	3,763	
183		Yên Trung	2,523	
184		Yên Thọ	2,206	
185		Yên Thịnh	1,855	
186		Yên Thái	2,226	
187		Yên Tâm	1,633	
188		Yên Phú	2,883	
189		Yên Phong	2,488	
190		Yên Ninh	3,850	
191		Yên Hùng	2,216	
192		Định Tiến	2,906	
193		Định Thành	1,996	
194		Định Tăng	2,101	
195		Định Tân	2,510	
196		Định Long	2,434	
197		Định Liên	3,155	
198		Định Hưng	3,275	
199		Định Hòa	3,275	
200		Định Hải	1,877	
201		Định Công	1,442	
202	Định Bình	3,271		
203	<b>Huyện Thọ Xuân</b>	Xuân Trường	3,061	<b>111,587</b>
204		Xuân Tín	4,221	
205		Xuân Thiên	3,643	
206		Xuân Sinh	7,412	
207		Xuân Phú	3,385	
208		Xuân Phong	1,913	
209		Xuân Minh	1,933	
210		Xuân Lập	3,723	
211		Xuân Lai	3,013	

212		Xuân Hưng	2,556	
213		Xuân Hồng	4,472	
214		Xuân Hòa	3,634	
215		Xuân Giang	2,605	
216		Xuân Bái	4,193	
217		Trường Xuân	5,963	
218		Thuận Minh	3,837	
219		Thọ Xương	3,811	
220		Thọ Lộc	2,450	
221		Thọ Lập	2,823	
222		Thọ Lâm	4,099	
223		Thọ Hải	2,422	
224		Thọ Diên	3,162	
225		Tây Hồ	2,547	
226		Quảng Phú	3,387	
227		Phú Xuân	4,049	
228		Nam Giang	3,274	
229		Bắc Lương	3,261	
230		TT Thọ Xuân	4,879	
231		TT Sao Vàng	6,188	
232		TT Lam Sơn	5,671	
233	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>	Thiệu Vũ	2,138	<b>62,254</b>
234		Thiệu Viên	2,126	
235		Thiệu Vận	1,854	
236		Thiệu Trung	2,647	
237		Thiệu Toán	2,344	
238		Thiệu Tiến	2,100	
239		Thiệu Thịnh	1,500	
240		Thiệu Thành	2,091	
241		Thiệu Quang	2,018	
242		Thiệu Phúc	2,469	
243		Thiệu Nguyên	2,810	
244		Thiệu Ngọc	2,006	
245		Thiệu Lý	2,125	
246		Thiệu Long	2,723	
247		Thiệu Hợp	2,003	
248		Thiệu Hòa	2,029	

249		Thiệu Giao	2,313	
250		Thiệu Giang	2,176	
251		Thiệu Duy	2,852	
252		Thiệu Công	2,815	
253		Thiệu Chính	1,735	
254		Tân Châu	2,283	
255		TT Thiệu Hóa	9,162	
256		TT Hậu Hiền	3,935	
257	<b>Huyện Nga Sơn</b>	TT Nga Sơn	7,831	<b>76,311</b>
258		Nga Yên	2,664	
259		Nga Vịnh	2,234	
260		Nga Văn	3,060	
261		Nga Trường	2,509	
262		Nga Tiến	3,228	
263		Nga Thủy	3,635	
264		Nga Thiện	2,310	
265		Nga Thành	1,958	
266		Nga Thanh	3,272	
267		Nga Thắng	2,175	
268		Nga Thái	3,690	
269		Nga Thạch	3,427	
270		Nga Tân	3,444	
271		Nga Phượng	4,477	
272		Nga Phú	3,202	
273		Nga Liên	4,897	
274		Nga Hiệp	3,120	
275		Nga Hải	2,621	
276		Nga Giáp	2,606	
277		Nga Điền	3,372	
278	Nga An	3,784		
279	Ba Đình	2,795		
280	<b>Huyện Hoằng Hóa</b>	TT Bút Sơn	8,610	<b>123,585</b>
281		Hoằng Yên	2,111	
282		Hoằng Xuyên	3,877	
283		Hoằng Xuân	4,658	
284		Hoằng Trường	4,600	
285		Hoằng Trung	3,330	

286		Hoàng Trinh	3,976	
287		Hoàng Trạch	1,962	
288		Hoàng Tiến	3,870	
289		Hoàng Thịnh	3,642	
290		Hoàng Thành	2,711	
291		Hoàng Thanh	5,059	
292		Hoàng Thắng	3,376	
293		Hoàng Thái	2,945	
294		Hoàng Tân	2,251	
295		Hoàng Sơn	3,877	
296		Hoàng Quý	4,229	
297		Hoàng Quý	2,134	
298		Hoàng Phụ	5,938	
299		Hoàng Phú	2,327	
300		Hoàng Phong	3,321	
301		Hoàng Ngọc	4,330	
302		Hoàng Lưu	2,774	
303		Hoàng Lộc	3,173	
304		Hoàng Kim	3,733	
305		Hoàng Hợp	2,802	
306		Hoàng Hải	2,029	
307		Hoàng Hà	1,873	
308		Hoàng Giang	1,976	
309		Hoàng Đức	3,613	
310		Hoàng Đồng	2,525	
311		Hoàng Đông	3,040	
312		Hoàng Đạt	2,721	
313		Hoàng Đạo	2,714	
314		Hoàng Châu	4,942	
315		Hoàng Cát	2,536	
316	<b>Huyện Hà Trung</b>	Yên Sơn	4,389	<b>62,206</b>
317		Yên Dương	3,267	
318		TT Hà Trung	6,731	
319		TT Hà Long	4,397	
320		TT Hà Lĩnh	4,953	
321		Thái Lai	2,990	
322		Lĩnh Toại	2,515	

323		Hoạt Giang	3,388	
324		Hà Vinh	2,996	
325		Hà Tiên	3,346	
326		Hà Tân	3,098	
327		Hà Sơn	2,501	
328		Hà Ngọc	2,428	
329		Hà Hải	2,091	
330		Hà Giang	2,583	
331		Hà Đông	2,336	
332		Hà Châu	2,770	
333		Hà Bình	2,777	
334		Hà Bắc	2,650	
335	<b>Huyện Quảng Xương</b>	TT Tân Phong	10,027	<b>81,940</b>
336		Tiên Trang	4,258	
337		Quảng Yên	2,993	
338		Quảng Văn	2,153	
339		Quảng Trường	2,921	
340		Quảng Trung	2,228	
341		Quảng Trạch	2,284	
342		Quảng Thái	3,175	
343		Quảng Thạch	2,581	
344		Quảng Phúc	3,355	
345		Quảng Ninh	3,277	
346		Quảng Nhân	2,220	
347		Quảng Nham	4,506	
348		Quảng Ngọc	3,302	
349		Quảng Lưu	3,012	
350		Quảng Long	2,107	
351		Quảng Lộc	3,568	
352		Quảng Khê	2,479	
353		Quảng Hợp	2,385	
354		Quảng Hòa	2,279	
355		Quảng Hải	4,322	
356		Quảng Giao	1,723	
357		Quảng Đức	2,598	
358		Quảng Định	2,268	
359		Quảng Chính	2,983	

360		Quảng Bình	2,936	
361	<b>Huyện Mường Lát</b>	TT Mường Lát	4,426	<b>19,238</b>
362		Trung Lý	2,014	
363		Tam Chung	2,265	
364		Quang Chiêu	2,869	
365		Pù Nhi	2,408	
366		Nhi Sơn	1,245	
367		Mường Lý	1,797	
368		Mường Chanh	2,214	
369		<b>Huyện Lang Chánh</b>	Yên Thắng	
370	Yên Khương		2,248	
371	TT Lang Chánh		4,704	
372	Trí Nang		1,414	
373	Tân Phúc		3,060	
374	Tam Văn		1,854	
375	Lâm Phú		1,986	
376	Giao Thiện		2,169	
377	Giao An		1,386	
378	Đồng Lương		2,650	
379	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>	TT Phong Sơn	7,910	<b>47,447</b>
380		Cẩm Yên	1,869	
381		Cẩm Vân	2,194	
382		Cẩm Tú	2,883	
383		Cẩm Thành	4,052	
384		Cẩm Thạch	2,563	
385		Cẩm Tân	2,887	
386		Cẩm Tâm	1,738	
387		Cẩm Quý	2,842	
388		Cẩm Phú	2,158	
389		Cẩm Ngọc	3,538	
390		Cẩm Lương	1,084	
391		Cẩm Long	1,575	
392		Cẩm Liên	2,298	
393		Cẩm Giang	2,085	
394		Cẩm Châu	2,039	
395		Cẩm Bình	3,732	
396	<b>Huyện Bá</b>	Văn Nho	1,950	<b>43,263</b>



397	<b>Thước</b>	TT Cành Nàng	3,866	
398		Thiết Ống	4,201	
399		Thiết Kế	1,408	
400		Thành Sơn	919	
401		Thành Lâm	1,660	
402		Lương Trung	2,008	
403		Lương Nội	2,523	
404		Lương Ngoại	1,927	
405		Lũng Niêm	1,095	
406		Lũng Cao	1,590	
407		Kỳ Tân	1,651	
408		Hạ Trung	1,463	
409		Điền Trung	2,987	
410		Điền Thượng	1,727	
411		Điền Quang	2,875	
412		Điền Lư	3,135	
413		Điền Hạ	1,836	
414		Cổ Lũng	870	
415		Ban Công	1,942	
416		Ái Thượng	1,630	
417	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>	Vĩnh Yên	1,811	<b>38,352</b>
418		Vĩnh Tiến	2,754	
419		Vĩnh Thịnh	3,718	
420		Vĩnh Quang	2,051	
421		Vĩnh Phúc	2,516	
422		Vĩnh Long	3,943	
423		Vĩnh Hưng	2,799	
424		Vĩnh Hùng	3,519	
425		Vĩnh Hòa	2,816	
426		Vĩnh An	1,368	
427		Ninh Khang	3,094	
428		Minh Tân	3,887	
429		TT Vĩnh Lộc	4,076	
430	<b>Huyện Thạch Thành</b>	TT Vân Du	5,011	<b>81,039</b>
431		TT Kim Tân	6,712	
432		Thành Yên	1,979	
433		Thành Vinh	3,317	

434		Thành Trục	2,972	
435		Thành Tiến	2,545	
436		Thành Thọ	2,487	
437		Thành Tân	4,444	
438		Thành Tâm	3,439	
439		Thành Mỹ	2,897	
440		Thành Minh	4,622	
441		Thành Long	3,571	
442		Thành Hưng	2,924	
443		Thành Công	2,427	
444		Thành An	1,751	
445		Thạch Tượng	1,948	
446		Thạch Sơn	4,065	
447		Thạch Quảng	3,705	
448		Thạch Long	5,308	
449		Thạch Lâm	1,601	
450		Thạch Định	1,910	
451		Thạch Cẩm	4,709	
452		Thạch Bình	4,258	
453		Ngọc Trạo	2,437	
454		TT Yên Cát	5,486	
455		Xuân Hòa	1,845	
456		Xuân Bình	3,072	
457		Thượng Ninh	3,369	
458		Thanh Xuân	1,665	
459		Thanh Sơn	1,683	
460		Thanh Quân	2,699	
461	<b>Huyện Như Xuân</b>	Thanh Phong	2,038	<b>38,956</b>
462		Thanh Lâm	1,891	
463		Thanh Hòa	1,477	
464		Tân Bình	1,709	
465		Hóa Quý	3,681	
466		Cát Vân	1,758	
467		Cát Tân	1,633	
468		Bình Lương	1,744	
469		Bãi Trành	3,206	
470		<b>Huyện</b>	Yên Thọ	

471	<b>Như Thanh</b>	Yên Lạc	2,511			
472		Xuân Thái	2,085			
473		Xuân Phúc	3,275			
474		Xuân Khang	3,586			
475		Xuân Du	3,992			
476		TT Bến Sung	5,663			
477		Thanh Tân	3,667			
478		Thanh Kỳ	1,609			
479		Phượng Nghi	2,052			
480		Phú Nhuận	3,487			
481		Mậu Lâm	4,501			
482		Hải Long	1,895			
483		Cán Khê	4,608			
484		<b>Huyện Ngọc Lặc</b>	Vân Am		3,298	<b>70,443</b>
485			TT Ngọc Lặc		10,882	
486			Thúy Sơn		3,982	
487	Thạch Lập		3,679			
488	Quang Trung		3,694			
489	Phùng Minh		1,422			
490	Phùng Giáo		1,999			
491	Phúc Thịnh		2,417			
492	Nguyệt Ấn		4,723			
493	Ngọc Trung		2,403			
494	Ngọc Sơn		2,554			
495	Ngọc Liên		2,966			
496	Mỹ Tân		2,020			
497	Minh Tiến		3,311			
498	Minh Sơn		4,261			
499	Lộc Thịnh		1,593			
500	Lam Sơn		2,329			
501	Kiên Thọ		6,395			
502	Đồng Thịnh		1,548			
503	Cao Thịnh		2,705			
504	Cao Ngọc	2,262				
505	<b>Huyện Thường Xuân</b>	Yên Nhân	2,343	<b>40,108</b>		
506		Xuân Thắng	1,872			
507		Xuân Lộc	1,826			

508		Xuân Lệ	1,444	
509		Xuân Dương	2,928	
510		Xuân Chinh	1,121	
511		Xuân Cao	2,146	
512		Vạn Xuân	2,638	
513		Thọ Thanh	2,158	
514		Tân Thành	2,523	
515		Ngọc Phụng	4,126	
516		Lương Sơn	2,744	
517		Luận Thành	3,469	
518		Luận Khê	2,451	
519		TT Thường Xuân	4,694	
520		Bát Mọt	1,625	
521	<b>Huyện Quan Sơn</b>	Trung Xuân	1,115	<b>21,422</b>
522		Trung Tiến	1,605	
523		Trung Thượng	1,299	
524		Trung Hạ	2,022	
525		Tam Thanh	2,020	
526		Tam Lư	1,784	
527		Sơn Thủy	2,045	
528		Sơn Hà	1,125	
529		Sơn Điện	2,316	
530		Na Mèo	1,986	
531		TT Sơn Lư	2,727	
532		Mường Mìn	1,398	
533		<b>Huyện Quan Hóa</b>	TT Hồi Xuân	
534	Trung Thành		1,564	
535	Trung Sơn		1,629	
536	Thiên Phủ		2,006	
537	Thành Sơn		1,598	
538	Phú Xuân		2,486	
539	Phú Thanh		1,113	
540	Phú Sơn		1,436	
541	Phú Nghiêm		1,353	
542	Phú Lệ		1,127	
543	Nam Xuân		1,599	
544	Nam Tiến		1,769	

545	Nam Động	1,343
546	Hiên Kiệt	1,851
547	Hiên Chung	1,640
<b>Tổng</b>		<b>1,880,514</b>